ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2377 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 02 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch chi tiết năm 2024 đối với Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực trong vùng Dự án thuộc Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ- CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định;

Căn cứ Thư thỏa thuận số: LOA-2023-Binh Đinh DPI-47 ngày 06/10/2023 giữa Chương trình Phát triển Liên hợp quốc và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch chi tiết năm 2023 của Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch chi tiết năm 2024 của Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản ngày 21/6/2024 của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam về việc đồng thuận với Kế hoạch chi tiết năm 2024 đối với Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực trong vùng Dự án;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 65/TTr-SKHĐT ngày 26/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch chi tiết năm 2024 đối với Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực trong vùng Dự án thuộc Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định, với các nội dung cơ bản sau:

Nội dung hoạt động dự án/kế hoạch thực hiện dự án	**Tổng cộng (Triệu đồng)**	**Trong đó:**		
		Vốn ODA cấp phát (Viện trợ không hoàn lại)		**Vốn đối ứng (Triệu đồng)**
		USD	**Quy đổi sang Triệu đồng**	
Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực trong vùng Dự án	**6.090**	**262.726,5**	**6.090**	**0**
2.1. Hỗ trợ nông dân triển khai, mở rộng và thực hành canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu	2.777	119.801,6	2.777	0
2.2 .Hỗ trợ nông dân nâng cao khả năng tiếp cận với tín dụng vi mô, thị trường và sau thu hoạch để tăng thu nhập nhờ được tham gia vào chuỗi giá trị	764	32.959,4	764	0
2.3. Cùng phát triển và vận hành các trung tâm tư vấn về nông nghiệp - khí hậu địa phương cho nông dân nhằm cung cấp thông tin kịp thời và đáng tin cậy về khí hậu / thời tiết và sản xuất cây trồng	1.020	44.003,5	1.020	0
2.4. Thiết lập và hỗ trợ các cộng đồng/tổ chức dựa vào cộng đồng tại địa phương triển khai danh mục giải pháp đổi mới sáng tạo dựa vào tự nhiên	1.529	65.962,1	1.529	0

(*Có phụ lục Kế hoạch chi tiết năm 2024 đối với Hợp phần 2 kèm theo*)

Điều 2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ban Quản lý dự án KVPVP tại tỉnh Bình Định triển khai thực hiện hoàn thành nhiệm vụ các hoạt động của Hợp phần 2 thuộc Dự án đảm bảo đúng quy định; báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện dự án theo quy định; đồng thời quản lý, sử dụng và thanh quyết toán chế độ tài chính theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà tài trợ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Ban Quản lý dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn, Tuy Phước, Vân Canh, thị xã Hoài Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Ngoại vụ;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

Số: 2377/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2024-07-02T19:02:02+07:00

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH CHI TIẾT HỢP PHẦN 2 THUỘC DỰ ÁN LÀNG HÒA BÌNH VIỆT NAM - HÀN QUỐC (KVPVP) TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 2024 của UBND tỉnh)

Nội dung Hợp phần dự án/ Kế hoạch thực hiện dự án	Mã hoạt động	Địa điểm thực hiện	Kết quả đầu ra	Tổng cộng (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện 2024		Thời gian thực hiện				Ghi chú
					Vốn viện trợ (ODA)	Vốn đối ứng	Quí I	Qúi II	Quí III	Qúi IV	
Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực trong vùng Dự án				**6.090.245**	**6.090.245**						
2.1. Hỗ trợ nông dân triển khai, mở rộng và thực hành canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu	**2.1.1**			**2.777.396**	**2.777.396**						
a) Triển khai và nhân rộng thực hành canh tác nông nghiệp chống chịu với BĐKH - sản xuất lúa áp dụng kỹ thuật 3G3T và Lạc Vietgap (vụ Đông Xuân 2023-2024) chuyển qua năm 2024				**144.166**	**144.166**						*Đã thực hiện năm 2023 và Quí 1 2024*
b) Triển khai và nhân rộng thực hành canh tác nông nghiệp chống chịu với BĐKH - sản xuất lúa áp dụng kỹ thuật 3G3T (vụ Đông Xuân 2024-2025)		Tại 2 xã ở 2 huyện nơi đã được rà phá bom mìn (ưu tiên tại các xã đã được rà phá bom mìn của dự án KVMAP)	40 ha lúa được hỗ trợ sản xuất áp dụng kỹ thuật 3G3T với 600 hộ dân tham gia	**951.600**	**951.600**				x	x	
Công và chi phí khảo sát, họp tham vấn cộng đồng		Tại 2 xã thuộc 2 huyện tham gia dự án	- Danh sách nông dân đăng ký tham gia (phân chia theo giới, dân tộc, nghèo/cận nghèo, nạn nhân bom mìn), kèm bản cam kết tham gia của nông dân. - Báo cáo kết quả khảo sát, tham vấn cộng đồng	87.200	87.200				x		*Ưu tiên hỗ trợ hộ nạn nhân bon mìn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có phụ nữ làm chủ*
Chi phí xây dựng điểm học tập/mô hình Lúa 3G3T (8 điểm mô hình học tập/0.5 ha/ điểm mô hình, khoảng 60 nông dân hỗ trợ giống và phân bón; biển hiệu điểm học tập/mô hình Lúa 3G3T)		Tại 2 xã thuộc 2 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 8 điểm học tập/mô hình lúa SRI được xây dựng, 4 ha với 60 nông dân. - Báo cáo tổng kết kết quả xây dựng điểm học tập/mô hình lúa áp dụng 3G3T	105.600	105.600					x	
Chi phí hỗ trợ nông dân nhân rộng áp dụng sản lúa 3G3T (36 ha, hỗ trợ 100% chi phí giống, dự kiến 540 hộ nông dân)		Tại 2 xã thuộc 2 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 540 nông dân với khoảng 36 ha được hỗ trợ giống - Báo cáo kết quả hỗ trợ áp dụng kỹ thuật 3G3T	86.400	86.400					x	
Tập huấn theo phương pháp Lớp học đồng ruộng (FFS) cho nông dân về sản xuất Lúa 3G3T (600 nông dân x 3 lần/vụ x 0,5 ngày/lần, 30 nông dân/lớp)		Tại 2 xã thuộc 2 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 600 hộ (35% nữ) được tập huấn theo phương pháp lớp học đồng ruộng (FFS) về sản xuất lúa 3G3T. - Tài liệu phát tay cho nông dân về sản xuất lúa 3G3T (ngắn gọn 3-4 trang, có sử dụng hình ảnh minh họa) - Báo cáo kết quả tập huấn nông dân	594.000	594.000					x	*Tập huấn tiếp trong Qúi I và Qúi II của năm 2025*
Họp tổng kết kết quả triển khai sản xuất lúa 3G3T tại xã (60 người/cuộc x 1 cuộc x 0,5 ngày/cuộc họp)		Tại 2 xã thuộc 2 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 2 cuộc họp tổng kết với 120 người (35% nữ) tham dự. - Báo cáo kết quả tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm	33.000	33.000						*Tổng kết vào Qúi II năm 2025*

Nội dung Hợp phần dự án/ Kế hoạch thực hiện dự án	Mã hoạt động	Địa điểm thực hiện	Kết quả đầu ra	Tổng cộng (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện 2024		Thời gian thực hiện				Ghi chú
					Vốn viện trợ (ODA)	Vốn đối ứng	Quí I	Quí II	Quí III	Quí IV	
Chi phí công tác theo dõi, giám sát, cầm tay chỉ việc hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho nông dân áp dụng lúa 3G3T (1 người/xã x 2 xã)		Tại 2 xã thuộc 2 huyện tham gia dự án	- Báo cáo kết quả theo dõi, giám sát hàng tháng	14.400	14.400					x	*Thực hiện tiếp trong Qúi I và Qúi II năm 2025*
Chi phí thông tin, truyền thông phổ biến sản xuất 3G3T		Tại 2 xã thuộc 2 huyện tham gia dự án	- 1 bài viết, - 1 phóng sự 3-5 phút tuyên truyền phổ biến	15.000	15.000					x	
Thuê thiết bị sử dụng drone để sạ lúa		Tại 2 xã thuộc 2 huyện tham gia dự án	Ít nhất 40 ha lúa được sạ theo quy trình 3G3T bằng thiết bị bay không người lái (drone)	16.000	16.000						
c) Triển khai và nhân rộng thực hành canh tác nông nghiệp chống chịu với BĐKH - sản xuất lạc giảm chi phí đầu vào và thích ứng với BĐKH		Tại 1 xã (HTX) nơi đã được rà phá bom mìn (ưu tiên tại các xã đã được rà phá bom mìn của dự án KVMAP); không trùng với xã/HTX đã hỗ trợ lúa 3G3T hoặc Rau VietGap hoặc Dừa hữu cơ	15 ha Lạc sản xuất theo hướng giảm chi phí đầu vào và thích ứng với BĐKH với 200 hộ tham gia	**522.780**	**522.780**				x	x	
Công và chi phí khảo sát, họp tham vấn cộng đồng		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Danh sách nông dân đăng ký tham gia (phân chia theo giới, dân tộc, nghèo/cận nghèo, nạn nhân bom mìn), kèm bản cam kết tham gia của nông dân. - Báo cáo kết quả khảo sát, tham vấn cộng đồng	31.780	31.780				x		
Chi phí xây dựng điểm học tập/mô hình lạc giảm chi phí đầu và và thích ứng với BĐKH (1 điểm học tập/mô hình lạc 2 ha, khoảng 30 nông dân hỗ trợ giống, phân bón và thuốc BVTV, vôi; biển hiệu điểm học tập/mô hình lạc giảm chi phí và thích ứng với BĐKH)		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 1 điểm học tập/mô hình lạc được xây dựng. - Báo cáo tổng kết kết quả xây dựng điểm học tập/mô hình lạc	71.100	71.100				x	x	
Chi phí hỗ trợ nông dân nhân rộng áp dụng sản xuất lạc theo hướng giảm chi phí đầu và và thích ứng với BĐKH (13 ha, hỗ trợ 100% chi phí giống, dự kiến 180 hộ nông dân);		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 180 nông dân với khoảng 13 ha được hỗ trợ giống - Báo cáo kết quả hỗ trợ áp dụng nhân rộng áp dụng lạc theo hướng giảm chi phí đầu và và thích ứng với BĐKH	157.300	157.300					x	
Tập huấn theo phương pháp Lớp học đồng ruộng (FFS) cho nông dân về sản xuất lạc giảm chi phí đầu và và thích ứng với BĐKH (210 nông dân x 3 lần/vụ x 0,5 ngày/lần, 30 nông dân/lớp)		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 210 hộ được tập huấn theo phương pháp lớp học đồng ruộng (FFS) về sản xuất lạc theo hướng giảm chi phí đầu và và thích ứng với BĐKH. - Tài liệu phát tay cho nông dân về sản xuất lạc theo hướng giảm chi phí đầu và và thích ứng với BĐKH (ngắn gọn 10-15 trang, có sử dụng hình ảnh minh họa) - Báo cáo kết quả tập huấn nông dân	207.900	207.900					x	*Tập huấn tiếp trong Qúi I và Qúi II của năm 2025*
Họp tổng kết kết quả triển khai sản xuất lạc giảm chi phí đầu và và thích ứng với BĐKH tại xã (60 người/cuộc x 1 cuộc x 0,5 ngày/cuộc họp x 2 cuộc họp)		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 2 cuộc họp tổng kết với 120 người tham dự. - Báo cáo kết quả tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm	30.700	30.700						*Tổng kết vào Qúi II năm 2025*

Nội dung Hợp phần dự án/ Kế hoạch thực hiện dự án	Mã hoạt động	Địa điểm thực hiện	Kết quả đầu ra	Tổng cộng (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện 2024		Thời gian thực hiện				Ghi chú
					Vốn viện trợ (ODA)	Vốn đối ứng	Quí I	Quí II	Quí III	Quí IV	
Chi phí công tác theo dõi, giám sát, cầm tay chỉ việc hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho nông dân áp dụng sản xuất lạc giảm chi phí đầu và và thích ứng với BĐKH (1 người/xã x 1 xã)		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Báo cáo kết quả theo dõi, giám sát hàng tháng	9.000	9.000				x	x	
Chi phí thông tin, truyền thông phổ biến sản xuất lạc giảm chi phí đầu và và thích ứng với BĐKH		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- 1 bài viết, - 1 phóng sự 3-5 phút tuyên truyền phổ biến	15.000	15.000					x	
d) Triển khai và nhân rộng thực hành canh tác nông nghiệp chống chịu với BĐKH - sản xuất Rau Vietgap		Tại 1 xã (HTX) nơi đã được rà phá bom mìn (ưu tiên tại các xã đã được rà phá bom mìn của dự án KVMAP); không trùng với xã/HTX đã hỗ trợ lúa 3G3T hoặc Lạc hoặc Rau Dừa hữu cơ	Quy mô 2,5 ha Rau với 60 hộ dân tham gia	**253.650**	**253.650**				x	x	
Công và chi phí khảo sát, họp tham vấn cộng đồng		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Danh sách nông dân đăng ký tham gia (phân chia theo giới, dân tộc, nghèo/cận nghèo, nạn nhân bom mìn), kèm bản cam kết tham gia của nông dân. - Báo cáo kết quả khảo sát, tham vấn cộng đồng	16.800	16.800				x		
Chi phí xây dựng điểm học tập/mô hình Rau áp dụng VietGAP (2 điểm học tập/mô hình Rau VietGAP 0.5 ha/điểm, khoảng 30 nông dân hỗ trợ giống và phân bón; biển hiệu điểm học tập/mô hình Rau VietGAP)		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 2 điểm học tập/mô hình Rau VietGAP được xây dựng (mỗi điểm 0.5ha). - Báo cáo tổng kết kết quả xây dựng điểm học tập/mô hình Rau VietGAP	69.050	69.050				x	x	
Chi phí hỗ trợ nông dân nhân rộng áp dụng sản xuất Rau theo hướng VietGAP (1.5 ha, hỗ trợ 100% chi phí giống, dự kiến 60 hộ nông dân)		1 xã (hoặc HTX)	- Ít nhất 40 nông dân với khoảng 1.5 ha được hỗ trợ giống - Báo cáo kết quả hỗ trợ áp dụng nhân rộng áp dụng Rau theo hướng VietGAP	35.100	35.100				x	x	
Tập huấn theo phương pháp Lớp học đồng ruộng (FFS) cho nông dân về sản xuất Rau áp dụng VietGAP (60 nông dân x 3 lần/vụ x 0,5 ngày/lần)		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 60 hộ được tập huấn theo phương pháp lớp học đồng ruộng (FFS) về sản xuất Rau theo tiêu chuẩn VietGAP - Tài liệu phát tay cho nông dân về sản xuất Rau theo tiêu chuẩn VietGAP (ngắn gọn 10-15 trang, có sử dụng hình ảnh minh họa) - Báo cáo kết quả tập huấn nông dân	59.400	59.400				x	x	
Họp tổng kết kết quả triển khai sản xuất Rau áp dụng VietGAP tại xã (60 người/cuộc x 1 cuộc x 0,5 ngày/cuộc họp)		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 1 cuộc họp tổng kết với 60 người tham dự. - Báo cáo kết quả tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm	16.900	16.900					x	
Chi phí công tác theo dõi, giám sát, cầm tay chỉ việc hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho nông dân áp dụng VietGAP (1 người/xã x 1 xã)		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Báo cáo kết quả theo dõi, giám sát hàng tháng	5.400	5.400				x	x	
Chi phí đánh giá chứng nhận Rau VietGAP (1 ha, khoảng 30 nông dân)		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	Giấy chứng nhận VietGAP - Báo cáo kết quả	36.000	36.000					x	

Nội dung Hợp phần dự án/ Kế hoạch thực hiện dự án	Mã hoạt động	Địa điểm thực hiện	Kết quả đầu ra	Tổng cộng (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện 2024		Thời gian thực hiện				Ghi chú
					Vốn viện trợ (ODA)	Vốn đối ứng	Quí I	Quí II	Quí III	Quí IV	
Chi phí thông tin, truyền thông phổ biến sản xuất Rau VietGAP		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- 1 bài viết, - 1 phóng sự 3-5 phút tuyên truyền phổ biến	15.000	15.000					x	
e) Triển khai và nhân rộng thực hành canh tác nông nghiệp chống chịu với BĐKH - Hỗ trợ phân bón, thuốc trừ sâu bệnh sinh học, hệ thống tưới để cải tạo, chăm sóc Dừa hữu cơ		Tại 1 xã (HTX) nơi đã được rà phá bom mìn (ưu tiên tại các xã đã được rà phá bom mìn của dự án KVMAP); không trùng với xã/HTX đã hỗ trợ lúa 3G3T hoặc Lạc hoặc Rau VietGap	Quy mô 12 ha Dừa với 100hộ dân tham gia	**631.200**	**631.200**				x	x	*Hoạt động này hỗ trợ phân bón vi sinh, thuốc trừ sâu bệnh sinh học, hệ thống tưới và tập huấn kỹ thuật cho các hộ đang trồng dừa để phát triển trồng dừa hữu cơ*
Công và chi phí khảo sát, họp tham vấn cộng đồng		Tại 1 xã (hoặc 1 HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Danh sách nông dân đăng ký tham gia (phân chia theo giới, dân tộc, nghèo/cận nghèo, nạn nhân bom mìn), kèm bản cam kết tham gia của nông dân. - Báo cáo kết quả khảo sát, tham vấn cộng đồng	23.300	23.300				x		*1 ha có khoảng 6-8 hộ, tổng 12 ha, có khoảng 100 hộ được hưởng lợi*
Chi phí xây dựng 04 điểm học tập/mô hình Dừa hữu cơ (0.5 ha/điểm mô hình), tổng 2 ha với 30 nông dân được hỗ trợ phân vi sinh, phân chuồng, thuốc trừ sâu bệnh sinh học; hệ thống tưới (tưới phun mưa tầng thấp), biển hiệu điểm học tập/mô hình Dừa hữu cơ)		Tại 1 xã (hoặc 1 HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 4 điểm học tập/mô hình Dừa hữu cơ được xây dựng với quy mô 0.5 ha/điểm với 30 hộ tham gia - Báo cáo tổng kết kết quả xây dựng điểm học tập/mô hình Dừa hữu cơ	132.600	132.600				x	x	
Chi phí hỗ trợ nông dân cải tạo trồng Dừa hữu cơ (10 ha, hỗ trợ 100% chi phí phân bón vi sinh, thuốc trừ sâu bệnh sinh học cho 60 hộ nông dân)		Tại 1 xã (hoặc 1 HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- 10 ha được hỗ trợ phân bón vi sinh - Ít nhất 60 nông dân được hưởng lợi - Báo cáo kết quả hỗ trợ áp dụng nhân rộng Dừa hữu cơ	313.000	313.000				x	x	
Tập huấn theo phương pháp Lớp học đồng ruộng (FFS) cho nông dân trồng dừa hữu cơ (100 nông dân x 4 lần/năm x 0,5 ngày/lần, 30 nông dân/lớp)		Tại 1 xã (hoặc 1 HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Ít nhất 90 hộ được tập huấn theo phương pháp lớp học đồng ruộng (FFS) về trồng dừa hữu cơ. - Tài liệu phát tay cho nông dân về trồng dừa hữu cơ (ngắn gọn 10-15 trang, có sử dụng hình ảnh minh họa) - Báo cáo kết quả tập huấn nông dân	118.800	118.800				x	x	*Tập huấn tiếp trong Qúi I và Qúi II của năm 2025*
Họp tổng kết kết quả triển khai sản xuất Dừa hữu cơ tại xã (60 người/cuộc x 1 cuộc x 0,5 ngày/cuộc họp)		Tại 1 xã (hoặc 1 HTX) thuộc huyện tham gia dự án	- Ít nhất 1 cuộc họp tổng kết với 60 người tham dự. - Báo cáo kết quả tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm	17.700	17.700						*Tổng kết vào Qúi II 2025*
Chi phí công tác theo dõi, giám sát, cầm tay chỉ việc hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho nông dân sản xuất Dừa hữu cơ (1 người/xã x 1 xã)		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- Báo cáo kết quả theo dõi, giám sát hàng tháng	10.800	10.800					x	
Chi phí thông tin, truyền thông phổ biến sản xuất Dừa hữu cơ		Tại 1 xã (hoặc HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	- 1 bài viết, - 1 phóng sự 3-5 phút tuyên truyền phổ biến về sản xuất Dừa hữu cơ	15.000	15.000					x	
f) Hỗ trợ nông nghiệp thông minh_Hỗ trợ lắp đặt hệ thống tưới cho cây ăn quả (Cây dừa)		Tại 1 xã (hoặc 1 HTX) thuộc 1 huyện tham gia dự án	01 hệ thống tưới thông minh được lặp đặt cho các hộ trồng dừa ở 1 Xã/ HTX dự kiến với quy mô 06 ha với 40-50 hộ thành viên tham gia	198.000	198.000				x	x	

Nội dung Hợp phần dự án/ Kế hoạch thực hiện dự án	Mã hoạt động	Địa điểm thực hiện	Kết quả đầu ra	Tổng cộng (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện 2024		Thời gian thực hiện				Ghi chú
					Vốn viện trợ (ODA)	Vốn đối ứng	Quí I	Quí II	Quí III	Quí IV	
g) Đào tạo tiểu giảng viên (TOT) về sản xuất nông nghiệp chống chịu với BĐKH (30 người x 1 khóa x 3 ngày)		TP Quy Nhơn	- Ít nhất 30 cán bộ được đào tạo về sản xuất nông nghiệp chống chịu với BĐKH, về phương pháp lớp học đồng ruộng (FFS). - Tài liệu đào tạo (bao gồm powerpoint và bản word). - Báo cáo kết quả đào tạo	***76.000***	***76.000***				***x***		*Đào tạo cho tiểu giáo viên*
2.2 .Hỗ trợ nông dân nâng cao khả năng tiếp cận với tín dụng vi mô, thị trường và sau thu hoạch để tăng thu nhập nhờ được tham gia vào chuỗi giá trị	**2.1.2**			**764.000**	**764.000**	**-**					
Đánh giá xác định nhu cầu và lập kế hoạch triển khai hỗ trợ về tiếp cận thị trường và tín dụng của nông dân và các HTX.		Tại 10 xã, htx thuộc 3 huyện dự án.	- Báo cáo kết quả đánh giá xác định nhu cầu - Kế hoạch chi tiết hỗ trợ	84.000	84.000				x		*Thuê tư vấn khảo sát đánh giá nhu cầu và lập kế hoạch hợ cho 10 HTX, mỗi hợp tác xã 1 ngày.*
Đào tạo tiểu giảng viên (TOT) về xây dựng kế hoạch kinh doanh, tiếp cận thị trường và tiếp cận tín dụng cho các HTX/Tổ hợp tác (30 người x 1 khóa x 3 ngày)		TP Quy Nhơn	- Ít nhất 30 cán bộ huyện, HTX/THT và các đơn vị chuyên môn có liên quan được nâng cao kiến thức, kỹ năng về tiếp cận thị trường và tiếp cận tín dụng. - Tài liệu đào tạo (bao gồm powerpoint và bản word). - Báo cáo kết quả đào tạo	100.000	100.000				x		
Tổ chức Diễn đàn đổi mới khí hậu đa bên (CIP) với sự tham gia của các bên trong chuỗi sản xuất nông nghiệp (30 người x 1 ngày)		TP Quy Nhơn	- Danh sách 25-30 người (30% nữ) đại diện các tác nhân trong chuỗi giá trị nông nghiệp (ưu tiên các chuỗi lúa, lạc, cây ăn quả và rau), các cơ quan chuyên môn, các nhà cung cấp dịch vụ đầu vào, và các ngân hàng, hiệp hội ngành nghề được tham gia Diễn đàn. - Tổ chức Diễn đàn trao đổi chia sẻ các kinh nghiệm, các chủ đề về đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp, về nông nghiệp thích ứng với BĐKH, nông nghiệp thuận thiên, kết nối các ngân hàng với các tác nhân trong chuỗi .v.v - Báo cáo kết quả diễn đàn	80.000	80.000				x		
Tập huấn nâng cao kiến thức về tiếp cận tín dụng cho hộ nông dân và các HTX vùng dự án (60 người/khóa x 1 ngày/khóa x 10 khóa, mỗi HTX một khóa)		Tại 10 xã, htx thuộc 3 huyện dự án.	- Ít nhất 600 nông dân, cán bộ HTX/THT tại các xã dự án được tấp huấn nâng cao kiến thức, cung cấp thông tin về nguồn tín dụng, cách thức vay. - Tài liệu tập huấn bản powerpoint và bản word. - Báo cáo kết quả tập huấn	200.000	200.000				x		
Hỗ trợ các HTX/THT nông nghiệp tại các xã dự án tham gia giới thiệu sản phẩm, tiếp cận thị trường thông qua các hội chợ, triển lãm .v.v.v (5 HTX x 4 ngày/htx/1 hội chợ x 2 hôi chợ, triển lãm).		Tại các huyện dự án, TP Quy Nhơn, hoặc tại các TP/tỉnh lân cận, hoặc/và TP HCM.	- Tờ rơi, tờ giới thiệu sản phẩm của các htx được dự án hỗ trợ. - Chương trình và Kế hoạch tham gia - Báo cáo kết quả tham gia (bao gồm số lượng htx được tham gia, số hàng bán được, số hợp đồng/thỏa thuận được ký, số lượt khách hàng đã tiếp cận/mua sản phẩm…)	300.000	300.000				x	x	*Hỗ trợ xây dựng tờ rơi giới thiệu sản phẩm, chương trình tham gia và kinh phí để HTX tham gia hội chợ hoặc triển lãm. Dự kiến 60 triệu/HTX*
2.3. Cùng phát triển và vận hành các trung tâm tư vấn về nông nghiệp - khí hậu địa phương cho nông dân nhằm cung cấp thông tin kịp thời và đáng tin cậy về khí hậu/thời tiết và sản xuất cây trồng	**2.1.3**			**1.020.000**	**1.020.000**						

Nội dung Hợp phần dự án/ Kế hoạch thực hiện dự án	Mã hoạt động	Địa điểm thực hiện	Kết quả đầu ra	Tổng cộng (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện 2024		Thời gian thực hiện				Ghi chú
					Vốn viện trợ (ODA)	Vốn đối ứng	Quí I	Quí II	Quí III	Quí IV	
Khảo sát và làm việc với các bên có liên quan tại tỉnh, huyện và xã về thông tin dịch vụ khí hậu nông nghiệp (2 người x 10 ngày)		Tại các xã, huyện dự án	- Báo cáo kết quả khảo sát, kế hoạch triển khai chi tiết	80.000	80.000				x		*Thuê tư vấn tổ chức đợt khảo sát khoảng 10 ngày để lập kế hoạch triển khai*
Thành lập nhóm đồng xây dựng bản tin khí hậu nông nghiệp (7-10 người bao gồm cán bộ bảo vệ thực vật, phòng NNPTNT, TT Khuyến nông, TT Khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, đài truyền hình, đại diện nông dân)		TP Quy Nhơn	- Danh sách nhóm đồng xây dựng bản tin khí hậu nông nghiệp - Cơ chế, nội quy hoạt động của nhóm đồng xây dựng bản tin khí hậu nông nghiệp - Bản thảo nội dung bản tin về khí hậu và sản xuất	60.000	60.000				x		*Dự toán chi phí cho 4 cuộc họp xây dựng nội quy hoạt động, nội dung bản tin và kế hoạch hoạt động của nhóm, mỗi cuộc họp với 10 người tham gia, trong 3 ngày*
Đào tạo kiến thức, kỹ năng về đồng xây dựng bản tin khí hậu nông nghiệp cho nhóm xây dựng bản tin và các bên có liên quan khác. (1 khóa x 30 người/khóa x 5 ngày/khóa).		TP Quy Nhơn	- Ít nhất 25 người (bao gồm các thành viên nhóm đồng xây dựng bản tin, và các cán bộ chuyên môn của Phòng NN, Trạm TT BVTV, xã và các bên có liên quan khác) được tập huấn kiến thức về cách thức xây dựng bản tin - Tài liệu tập huấn - Kế hoạch xây dựng bản tin khí hậu nông nghiệp 10/15 ngày; bản tin mùa vụ - Báo cáo kết quả tập huấn	100.000	100.000				x		
Tổ chức các cuộc họp định kỳ để góp ý hoàn thiện bản tin khí hậu nông nghiệp (10 ngày/cuộc x 10 người/cuộc x 6 tháng)		Tại TP Quy Nhơn hoặc huyện dự án	- Các bản tin khí hậu nông nghiệp 10-15 ngày, bản tin mùa vụ	60.000	60.000				x	x	*Dự trù kinh phí tổ chức cuộc họp xây dựng bản tin nông nghiệp cho nhóm đồng xây dựng bản tin khí hậu, mỗi tháng 1 cuộc họp trao đổi x 6 tháng, mỗi cuộc họp dự kiến 10 triệu đồng*
Hỗ trợ Phòng Nông nghiệp và PTNT và Trạm khí tượng huyện trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông về thông tin về khí hậu nông nghiệp, đồng thời tổ chức tuyên truyền nội dung này trên phương tiện thông tin đại chúng để mọi người dân có thể biết được và áp dụng vào sản xuất		Tại 4 huyện	- Các chương trình truyền thông về thông tin khí hậu nông nghiệp được phát trên Các kênh thông tin của các huyện, xã (truyền thanh, truyền hình)	360.000	360.000				x		*Dự trù kinh phí hỗ trợ nhóm cán bộ của phòng nông nghiệp, trạm khí tượng và đài truyền thanh, truyền hình huyện xây dựng nội dung và chương trình truyền thông về khí hậu nông nghiệp cho từng huyện (mỗi huyện dự kiến 1 chương trình/qúi x 2 qúi), mỗi chương trình dự kiến kinh phí khoảng 30 triệu/huyện x 6 huyện x 2 qúi*
Hỗ trợ kinh phí cho nhóm chuyên môn phụ trách đồng xây dựng bản tin khí hậu nông nghiệp (7 người, 5 ngày/tháng x 6 tháng)		Tại TP Quy Nhơn và các huyện dự án	- Báo cáo kết quả hàng tháng	120.000	120.000				x	x	*Dự trù kinh phí hỗ trợ xây dựng bản tin khí hậu nông nghiệp dự kiến 1 bản tin/tháng x 6 tháng x 20 triệu/nhóm xây dưng 1 bản tin*
Hỗ trợ phổ biến bản tin khí hậu nông nghiệp đến nông dân tại các xã dự án (Video, nhóm zalo, đài phát thanh, loa phát thanh xã/huyện, các cuộc họp…)		20 xã tham gia dự án tại các huyện dự án	Ít nhất 50% số nông dân các xã dự án biết được nội dung bản tin khí hậu nông nghiệp và có các thay đổi về sản xuất nông nghiệp theo khuyến cáo tại bản tin. - Báo cáo kết quả phổ biến bản tin	240.000	240.000				x	x	*Dự toán hỗ trợ phổ biến các bản tin khí hậu nông nghiệp đã được xây dựng tới nông dân ở các xã (khoảng 12 triệu đồng/xã x 20 xã dự án)*
2.4. Thiết lập và hỗ trợ các cộng đồng/tổ chức dựa vào cộng đồng tại địa phương triển khai danh mục giải pháp đổi mới sáng tạo dựa vào tự nhiên	**2.1.4**			**1.528.849**	**1.528.849**						*Sẽ có hướng dẫn cụ thể từ UNDP*